

VỀ NHỮNG CỤM TỪ CỔ ĐỊNH MỚI HÌNH THÀNH TRONG GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI VIỆT

TRẦN VĂN TIẾNG

(TS, ĐH Ngoại ngữ & Tin học Tp HCM)

1. Khái lược

Có một hiện tượng ngôn ngữ khá thú vị thường diễn ra trong hoạt động giao tiếp xã hội, đó là những cụm từ cổ định thỉnh thoảng xuất hiện trong các phát ngôn thường ngày hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chẳng hạn, chúng ta thường nghe các cụm *Nhất muối tiêu nhĩ Việt kiều*, *An gian không được thì bỏ*, *Buông cái này bắt cái kia*, *Chân ngoài dài hơn chân trong*, *Thủ kho to hơn thủ trưởng*, *Đẹp trai không bằng chai mặt*, *Hi sinh đời bố, củng cố đời con*, *An quận Năm nằm quận Ba ca nhạc quận Một*, v.v. được người nói dùng một cách tự nhiên, phù hợp với ngữ cảnh. Chúng tôi gọi chúng là những *cụm từ cổ định mới* (CTCĐM) ra đời trong vòng vài mươi năm trở lại đây.

Xét về cấu trúc, những CTCĐM như trên vốn là những cụm từ tự do được cố định về mặt hình thức (do sự lặp đi lặp lại nhiều lần trong quá trình giao tiếp); xét về mặt ngữ dụng, chúng có thể làm tăng thêm hiệu lực của phát ngôn do tính chất sinh động và ít nhiều mang sắc thái biểu cảm. Người nói, trong quá trình giao tiếp, có thể vận dụng những CTCĐM khi có chủ đề tương ứng và điều kiện cho phép. Nghĩa cô đọng có trong chúng có thể gây ra những tác động tích cực (hoặc tiêu cực) đối với người nghe. Chẳng hạn, người ta có thể dùng *Mua vàng thì lỗ mua thổ thì lời* khi muốn khuyên ai đó nên đầu tư vào đất đai (vì dễ sinh lợi) hơn là mua

vàng để trữ trong thời điểm sốt đất; dùng *Tệ hơn vợ thằng Đậu* khi phê phán người nào đó đã... quá tệ, quá kém trong mọi lĩnh vực; hoặc khi cần động viên một người có tính cần cù nhưng kém thông minh, người ta có thể dùng *Cần cù bù thông minh*, v.v... Như vậy, nhờ có cấu trúc của một chỉnh thể mang nghĩa biểu trưng mà các CTCĐM tỏ ra tiện dụng trong giao tiếp xã hội. Nói cách khác, CTCĐM trở thành một phương tiện hữu hiệu để nêu bật hàm ý của người nói⁽¹⁾.

Việc tập hợp, khảo sát những CTCĐM ra đời trong một thời đoạn xã hội có nhiều biến động, nhất là sau khi nước nhà được thống nhất đến nay, có thể đóng góp ít nhiều cho việc nghiên cứu ngôn ngữ xã hội. Tuy nhiên, việc nhìn nhận chúng như là một đơn vị của ngôn ngữ ra đời trong những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau vẫn còn phải bàn luận nhiều.

Trên bình diện từ vựng-ngữ nghĩa, có thể xử lý những CTCĐM thành những mục từ

⁽¹⁾ Chẳng hạn, trong một lần trả lời phỏng vấn trên báo Thanh Niên (số 218 – 6.8.2002), đạo diễn Lê Mộng Hoàng đã nói với phóng viên rằng:

-(...) “*Thừa thắng xông lên*” tôi làm một loạt phim như “*Xin đừng bỏ em*”, “*Nàng*”, “*Chiều ki niệm*” (...).

Sau đó, phóng viên đặt câu hỏi:

- Có lúc nào ông nản chí định “*rửa tay gác kiếm*” không? (...)

Trong đoạn thoại trên, *Thừa thắng xông lên* được đạo diễn Lê Mộng Hoàng dùng ở đây có hàm ý: *nhờ có những thành công vang dội trước đó mà tôi đã mạnh dạn thực hiện tiếp các phim nổi tiếng khác*. Trong câu hỏi của mình, phóng viên đã dùng cụm “*rửa tay gác kiếm*” thật hay, hợp người, hợp cảnh và ý nhị hơn so với “*nghe/ dừng lại/ thôi làm phim*” để hỏi một đạo diễn tài năng và có nhiều kinh nghiệm như đạo diễn Lê Mộng Hoàng.

trong các từ điển phương ngữ do chúng có cấu trúc cú pháp-ngữ nghĩa đặc thù; còn ở góc độ văn hóa, văn học dân gian, chúng có thể được xem như là những thành ngữ, tục ngữ mới phản ánh ý thức xã hội và nhiều mặt khác của cuộc sống. Bởi có những CTCĐM như *Thứ nhất ngồi ý thứ nhì đồng ý, Đi xe cổ vấn mặc áo chuyên gia ăn uống qua loa ấy là cán bộ, Bỏ tôm ôm lúa, Giao thông đến đâu tiền thông đến đó*,...chính là sự đúc kết kinh nghiệm của con người sống trong xã hội đương đại.

2. Một số đặc trưng của CTCĐM

Dưới đây, chúng tôi muốn nêu lên một vài đặc trưng của những CTCĐM mà chúng tôi quan sát được.

2.1. CTCĐM cũng có vần có nhịp, có sự đối xứng

Gieo vần, ngắt nhịp là những thủ pháp được sử dụng trong những CTCĐM nhằm vào mục đích dễ nhớ, dễ thuộc.

Giống như thành ngữ, tục ngữ cũ, CTCĐM thực hiện việc gieo vần theo những cách sau:

-Vần liền: *Thủ kho to hơn thủ trưởng, Ăn quận Năm nằm quận Ba ca nhạc quận Một, Cẩn cù bù thông minh, Bỏ tôm ôm lúa, Hét ra lúa mùa ra khói, Tiền ít hít hàng “thơm”, Trả góp bốp cổ dân nghèo, Lấy thu bù chi*, v.v.

-Vần cách 1 tiếng: *Hy sinh đời bố cùng cố đời con, Mua vàng thì lỗ mua thổ thì lời, Thứ nhất ngồi ý thứ nhì đồng ý, Ông mát chân giò bà thò chai rượu, Sông Cầu nói đầu bó đay, Ba số năm vừa nằm vừa ký, Bức xúc đến bù “trả thù” doanh nghiệp, Tiền lương đưa đủ tới ngủ ở nhà, Miếng thịt nó bịt cái mồm*, v.v.

-Vần cách 2 tiếng: *Nhất muối tiêu nhì Việt kiều, Đẹp trai không bằng chai mật, Tiền lệ không bằng thẻ thương binh*, v.v.

-Vần cách 3 tiếng: *Giao thông đến đâu tiền thông đến đó, Một trăm lời nói không bằng làn khói Hòn-đa, Nhất đẳng huyện đại*

không bằng dao phay chém lén, Yêu thì khổ không yêu thì lỗ, v.v.

-Vần cách 4 tiếng: *Bảy mươi của có cũng vừa mười lăm*,

-Vần cách 5 tiếng: *Mỗi người làm việc bằng hai để cho chủ nhiệm mua đầi mua xe, Cá trôi cá chép mắc câu, cá nhân “mắc ngoặc” cúi đầu theo “phe”. Một yêu anh có Sây-cô (Seiko) hai yêu anh có Bờ-giô cá vàng (xe máy Peugeot màu đồng thau)*, v.v.

Có liên quan đến vần là nhịp. Có thể nói nhịp là một yếu tố quan trọng tạo ra tính hòa đối, sinh động, có nhạc điệu. Ngoài ra, nhịp cũng có chức năng cú pháp và chức năng biểu hiện nghĩa trong những CTCĐM. Do đặc điểm loại hình của tiếng Việt nên các thành phần cú pháp của CTCĐM được phân định thông qua việc ngắt nhịp. Ví dụ việc ngắt nhịp kiểu sóng đôi: *Công văn dứt túi áo// báo cáo dứt túi quần, Hi sinh đời bố// cùng cố đời con, Một đĩa trứng giò// cả nhà trùm mền, Mua vàng thì lỗ// mua thổ thì lời, Bỏ thì thương// vương thì tội, Quen tai già// lạ tai trẻ, Tranh trông xa// hoa trông gần, Tóc ánh bạc// túi ánh kim// mong ánh Đờ-rim (xe Dream)// tìm ánh thép*, v.v.

Một số CTCĐM có cách ngắt nhịp không sóng đôi. Các vế của CTCĐM có thể ngắt nhịp theo những cách: *Làm thì lão// báo cáo thì giỏi (kiểu 3-4), Con thầy// vợ bạn// gái cùng cơ quan, Nói dài// nói dai// chẳng qua nói đại, Nhất Y// nhì Dược// tạm được Bách khoa, Học thầy// thi bạn// điểm tính bằng chai, ... (kiểu 2-2-4); hoặc: Ăn quận năm, nằm quận ba, ca nhạc quận một, Ăn như tu, ở như tù, nói như lãnh tụ⁽²⁾, ... (kiểu 3-3-4), Tối ăn khoai đi ngủ// sáng ăn củ đi làm, trưa ăn lang trừ bữa (kiểu 5-5-5)*, v.v.

Nhìn chung việc ngắt nhịp trong những CTCĐM đã tạo ra sự nhịp nhàng, cân đối. Nhờ vào vần, nhịp mà người nói, người nghe

⁽²⁾ Sinh viên học trong thời bao cấp.

dễ nhớ, dễ tiếp thu và vận dụng có hiệu quả trong những tình huống phát ngôn⁽³⁾.

Đối xứng cũng là một đặc trưng về cấu trúc của những CTCĐM. Sự đối xứng không chỉ phản ánh tâm lí của người Việt trong cách tư duy về sự vật, hiện tượng (đối xứng tạo ra sự ổn định) mà còn là đặc trưng về mặt thi pháp- cách tạo lập những đơn vị cố định về mặt hình thức. Sự đối xứng cũng làm cho người nghe, người nói dễ thuộc, dễ nhớ, Ví dụ:

-Đối xứng về từ loại: *Lấy ngắn nuôi dài, Rượu vào lời ra, Sáng chuyện người tối chuyện mình*, v.v.

-Đối xứng về thanh điệu: *Sáng nắng, chiều mưa, Yêu là ốm ôm là yếu, Nhất cự li nhì cường độ, Nắng không ưa mưa không chịu*, v.v.

-Đối xứng ngữ nghĩa: *Mua vàng thì lỗ mua thỏ thì lời, Căng da bụng chùng da mặt, Trẻ uống trà người già tập thể dục, Học tài thi lí lịch*, v.v.

Một đặc trưng khác thuộc về cấu trúc của những CTCĐM cũng cần phải nói thêm ở đây là chúng cũng có những khuôn hình cấu tạo (giống như những thành ngữ, tục ngữ cổ). Lấy ví dụ có những khuôn hình cú pháp sau:

▪ Khuôn hình “(Thứ) nhất A, (thứ) nhì B”:

Ví dụ: *Nhất cự li nhì cường độ, Nhất trụ nhì khu, tam tù tứ kết, Nhất giá nhì mới mầu mã, Nhất Y nhì Dược tạm được Bách khoa (Sư phạm bỏ qua, Nông lâm cuộc thắng), Nhất muối tiêu nhì Việt Kiều, Nhất phao câu, nhì đầu cánh, Nhất vợ nhì trời, Nhất lé, nhì lùn, Thứ nhất ngôi ý thứ nhì đồng ý*, v.v.

▪ Khuôn hình so sánh kiểu “Một trăm A không bằng (một) B”:

Ví dụ: *Một trăm lời nói không bằng làn khói Hon-đa, Một trăm của ngon không bằng một gam của lạ*, v.v.

▪ Có thể kể thêm khuôn hình so sánh như:

-“Một A bằng mười B”: *Một bát nước rau bằng mười thau thuốc bổ, Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ, ...;*

- “A không bằng B”: *Lương tâm không bằng lương tháng, Đẹp trai không bằng chai mặt, Nhất đẳng huyền đai không bằng dao phay chém lén, Nhà báo lớn không bằng sạp báo nhỏ, Hát hay không bằng hay hát, ...;*

-“A hơn B”: *Thủ kho to hơn thủ trưởng, Chân ngoài dài hơn chân trong, Con mắt to hơn cái bụng, Cắt cổ hơn đổ rượu, Tệ hơn vợ thằng Đậu, ...*

-“A như B”: *Ngán như com nếp, Yêu xe như con quý xăng như máu, Mất như bánh bao chiều, Dốt như chuyên tu ngu như tại chức, Buồn như mất số gạo, Nhất như thỏ đế, Lành xình như nước ương, Tình cảm lênh láng như nước ruộng*, v.v.

▪ Khuôn hình “A thế nào/ đâu, B thế ấy/đó” hoặc “A sao, B vậy”:

Ví dụ: *Giao thông đến đâu tiền thông đến đó, Đền bù đến đâu giải tỏa đến đó, Người đàn ông sao người đàn bà vậy, Sai đâu sửa đó, Trước thế nào, sau thế ấy, ...*

Tổng hợp những điều đã trình bày ở trên, chúng tôi thấy về mặt cú pháp, những CTCĐM tuy được hình thành trong xã hội hiện đại nhưng vẫn vận dụng những thủ pháp đặc thù của các thành ngữ, tục ngữ cổ trong việc cố định hóa những cụm từ tự do.

2.2. Tính thời sự của những CTCĐM

Ra đời trong những hoàn cảnh xã hội khác nhau, CTCĐM có tính thời sự rất cao do nó phản ánh cách nghĩ, cách đánh giá của con người về một sự kiện, một hiện tượng xã hội nào đó đang diễn ra.

Thời bao cấp, đất nước phải đối mặt với nhiều thử thách do thiên tai, địch họa (chiến tranh biên giới Tây Nam, chiến tranh biên giới phía Bắc), kinh tế phát triển kém sau chiến tranh,... đã làm cho đời sống của người

⁽³⁾ Chẳng hạn trong ngành Y, người ta vẫn truyền nhau câu: *Dốt nát đi Nhì, ngu si đi Sân, lằng chằng đi Đa khoa, ba hoa làm cán bộ giảng dạy*; hoặc nói về tình trạng học thêm của học sinh hiện nay: *Học xong nhà cô Văn, lằng xằng qua thầy Lý, nghỉ một tí đi học đần, ăn vội vàng sang vì tính, chạy luyñh quỳnh đến thầy Anh, mặt tái xanh vô học vẽ*, v.v.

dân còn nhiều khó khăn. Dấu ấn của thời kỳ này phản ánh khá dĩ dõm, hóm hỉnh trong những CTCĐM. Chẳng hạn, đó là sự khó khăn về đời sống vật chất: *Dầu cám bùn xà phòng đất gạo muối xát, bánh nếp hầm* ⁽⁴⁾, *Đi xe cổ vắn, mặc áo chuyên gia, ăn uống qua loa, ấy là cán bộ* ⁽⁵⁾, *Ban đêm cả nhà lo việc Nước ban ngày cả nước lo việc Nhà* ⁽⁶⁾, *Cái gì cũng phân mà phân thì như cắt* ⁽⁷⁾, v.v. Đó là cơ chế xin-cho với những gì đã diễn ra tất yếu: *Buồn như mất sổ gạo, Chân ngoài dài hơn chân trong, Chân trong chân ngoài, Bên A là chùm khế ngọt, Lương tâm không bằng lương tháng, Nhà báo lớn không bằng sạp báo nhỏ, Một trăm lời nói không bằng làn khói Hon-đa, Nhà văn nhà báo, nhà giáo nhà thơ cộng lại là nhà nghèo, Nhất trụ nhì khu tam tù tứ kết* ⁽⁸⁾, *Tặng xin giám mua, tích cực cảm nhảm, Quản lý được người ở ai quản lý được người đi*, v.v.

Đất nước mở cửa, xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân đang được cải thiện từng ngày. Nền kinh tế thị trường đã mang lại những thay đổi rõ rệt. Người ta bắt đầu chú ý đến sự cạnh tranh kinh tế, chú ý đến lợi nhuận, khách hàng: *Nhất giá, nhì mới mẫu mã, Khách hàng là thượng đế, Nhanh chóng mọi lúc, mọi nơi*; người ta biết đầu tư vào đâu để có lợi: *Mua vàng thì lỗ, mua thổ thì lời*. Tiến xa hơn,

người ta còn biết chơi chứng khoán: *Không bỏ trứng vào cùng một rổ* ⁽⁹⁾, *Mèo nhỏ bắt chuột nhỏ*. Tình trạng đô thị hóa phát triển nhanh chóng, nhà nước cần phải giải tỏa, quy hoạch lại giao thông và đô thị, các khu công nghiệp: *Đền bù đền đâu giải tỏa đền đó, Giao thông đến đâu tiền thông đến đó*; vấn đề giải tỏa, đền bù có khi không được thuận lợi: *Bức xúc đền bù, “trả thù” doanh nghiệp* ⁽¹⁰⁾; người dân cũng biết đầu tư vào thị trường bất động sản: *Nước chưa sôi mắc chi rút củi* ⁽¹¹⁾; nảy sinh hiện tượng chạy dự án: *Chạy dự án bán kiếm lời hoặc tiêu cực trong thực hiện các công trình Bên A là chùm khế ngọt*, v.v.

Trong nền kinh tế thị trường, để thu hút khách hàng, các loại hình quảng cáo cũng nở rộ. Có những cụm từ trong các quảng cáo (được phát trên ti vi hay được trình bày trên các phương tiện thông tin khác) được lặp đi lặp lại trong một quãng thời gian dài và dần dần được cố định hóa. Những cụm từ kiểu này ngay lập tức được nhiều người sử dụng trong những ngữ cảnh thích hợp, ví dụ *Liên tục phát triển, Mọi lúc mọi nơi, Và hơn thế nữa, Ba trong một, Hạ gục nhanh, tiêu diệt gọn* (Raid Maid), *Điện thoại nhỏ thông minh áo thun xinh sành điệu* (Quảng cáo NOKIA 2008), *Vui tết dân tộc trẻ học điều hay* (Chương trình do OMO đề xướng, đề cao giá trị văn hóa, nhân văn của người Việt-Xuân Mậu Tý 2008) ⁽¹²⁾...

⁽⁴⁾ *Dầu cám bùn*: Thời bao cấp các nhà máy xay thường có những sản phẩm phụ. Những sản phẩm bán ra mà không thu tem phiếu nên rất hấp dẫn. Nhà máy xay Lương Yên (Hà Nội) có dầu ăn và xà phòng giặt nhưng cũng chỉ phân phối hẹp, không bán đại trà. Loại dầu ăn này sánh như nước bùn và cũng có màu bùn. Xà phòng giặt thì giống hệt một cục đất sét. *Gạo muối xát* là loại gạo mua số (gạo mậu dịch), đây là gạo trữ, để lâu ngày, nấu xong cơm có mùi rất hôi. Người tiêu dùng phải dùng muối xát khi vo để khử mùi hôi. *Bánh nếp hầm* (là loại bánh mì luộc) có hình dáng như nếp hầm tránh máy bay Mĩ.

⁽⁵⁾ Có hiện tượng chơi chữ trong trường hợp này: *Xe cổ vắn* là xe bị rách lốp, cổ vắn lại để đi tiếp. *Áo chuyên gia* là áo dính vào da (gia). *Ăn uống qua loa*: tức là qua loa phóng thanh (thường nghiệp bán tem phiếu, thông báo qua loa).

⁽⁶⁾ Chơi chữ thông qua hiện tượng đồng âm: do mùa hè khan hiếm nước, ban đêm ít người dùng nên mọi người tranh thủ hứng nước.

⁽⁷⁾ Đây cũng là cách chơi chữ: từ “phân” được hiểu theo hai nghĩa.

⁽⁸⁾ Ví von xếp loại cán bộ khi ấy: *trụ* - cán bộ nằm vùng, *khu* - cán bộ từ chiến khu, *tù* - cán bộ ra tù, *kết* - cán bộ tập kết ra Bắc.

⁽⁹⁾ CTCĐ này được mượn từ nước ngoài.

⁽¹⁰⁾ Tỉnh Nghệ An đền bù giải tỏa, lấy đất cho khu công nghiệp Nam Cần nhưng tiền đền bù đất cho dân xóm 2, xã Nghi Long (huyện Nghi Lộc) thấp hơn so với các địa phương khác. Bức xúc, dân xóm 2 “trả thù” doanh nghiệp bằng cách chặn xe, đào đường, ngăn cản xe vào khu công nghiệp.

⁽¹¹⁾ Sốt nhà đất tại Đà Nẵng, người dân chẳng vội bán đất, chờ giá cao mới bán đi (TN 24.2.2008).

⁽¹²⁾ Cũng có trường hợp người viết báo sử dụng những cụm từ để minh họa cho điều muốn nói. Ví dụ, trên BáoTT ngày 29.8.2002, ở mục *Chuyện thường ngày*, tác giả đã viết: “Có thực tế “không nói ra thì không ai biết” là ...mấy ông chức năng “ngại” bắt thuốc trừ sâu độc hại”. Ta thấy cụm *Không nói ra thì không ai biết* (câu quảng cáo sản phẩm) được dùng trong câu trên thật hay. Trên Báo TN số 268-25.9.2002, có một bài báo mà trong đó người viết đã dùng cụm *Cho thế giới biết bạn là ai* và cụm *Chủ động lắng nghe mọi người ở mọi lúc mọi nơi* để làm thành các tiêu đề.

2.3. CTCĐM phản ánh trí tuệ dân gian, quan điểm sống, cách ứng xử xã hội

Lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước của dân tộc ta đã hun đúc nên trí tuệ của dân tộc Việt Nam và vì thế con người Việt Nam trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng đều bộc lộ, thể hiện phẩm chất trí tuệ của mình dưới mọi hình thức, đặc biệt là trong lời ăn tiếng nói. Trong quá khứ, trí tuệ dân gian- thể hiện qua việc đúc kết kinh nghiệm, nêu lên những bài học về cách đối nhân xử thế, quan niệm về cuộc sống – tồn tại dưới hình thức là những thành ngữ, tục ngữ cổ được lưu truyền cho đến tận ngày nay. Trong xã hội hiện đại, con người Việt Nam cũng thế, cách tư duy, cách phản ánh bằng ngôn ngữ hiện đại về cái lô-gíc của cuộc sống, về cách đối nhân xử thế, quan niệm sống cũng rất biện chứng và tồn tại dưới hình thức của những CTCĐM.

Người Việt đương đại đã phản ánh cách tư duy của mình dựa trên những quan hệ lô-gíc- ngữ nghĩa và ở đó người ta có thể thấy được tính “triết lý” của cuộc sống. Chẳng hạn, khi người ta nói: *Con ếch chết vì cái miệng, Cái miệng hại cái thân, chưa thấy quan tài chưa đổ lệ, Đói quá hóa liều*, ...chính là nhằm nêu lên mối quan hệ nhân-quả; còn khi nói: *Ăn không được phá cho hôi, Sa-Mít nói ít hiểu nhiều, Ba số năm vừa nằm vừa kí, Có làm mới có ăn, Bẩn không nên phải đền đàn*...là nhằm biểu thị mối quan hệ điều kiện-kết quả; những trường hợp như: *Người đàn ông sao người đàn bà vậy, Chứng nào tật nấy, Ghét của nào trời trao của ấy, Được vợ mất chồng được chồng mất vợ, Rượu Bình Đông ai đóng nắp uống*,...lại biểu thị mối quan hệ tương liên. Thêm nữa, khi người ta dùng: *Cái nào ăn thì ăn cái nào cúng thì cúng, Nhất trụ nhì khu tam tù, Ăn quận Năm năm quận Ba ca nhạc quận Một, Càng già càng dẻo, càng dai, Chán cơm, thèm phở, Nắng nghỉ mưa ngủ, mát trời đi chơi*,...là muốn thể hiện quan hệ liệt kê, trình bày một cách lô-gíc các sự kiện cần đề cập đến; còn khi cần thể hiện một sự

phủ định thì chúng ta có: *Ăn quen nhịn không quen, “Giám đốc” chứ không “dám làm”, Miệng không kéo da non, Trên bảo dưới không nghe, Người mua nhầm người bán không nhầm*, v.v.

Cách tư duy của người Việt hiện đại còn thể hiện cách suy luận nghịch nhân quả như: *Làm chơi ăn thiệt, Đông vui nhưng hao, Hát dở mà sấm tưởng lâu, Đã xấu mà còn đóng vai ác*,...hoặc cách tư duy so sánh khá phổ biến: *Ăn như xáng mức làm như lục bình trôi, Buồn như mắt số gạo, Mát lạnh như tiền, (Như) Thần lặn uống nước cúng, Thủ khoa thua xa hoa hậu, Rối như canh hẹ, Bời rời như cơm nguội, Thấy rượu như lân thấy pháo*, ...đã cho thấy khả năng liên tưởng, ẩn dụ khá độc đáo của người Việt.

Hơn 30 năm sau ngày đất nước thống nhất, xã hội Việt Nam đã trải qua nhiều thay đổi. Thời gian ấy không dài so với cả tiến trình phát triển của đất nước; và trong khi người xưa bộc lộ quan điểm sống, quan điểm ứng xử xã hội của mình thông qua những thành ngữ, tục ngữ cũ thì trong thời hiện đại, người Việt cũng rất nhạy cảm với từng vấn đề của xã hội và trong chừng mực nào đó, những CTCĐM cũng đã phản ánh khá rõ quan điểm sống, quan điểm ứng xử xã hội và đúc kết nó bằng những cụm từ rất ý nhị. Chẳng hạn khi đề cập đến tình yêu, đến hạnh phúc lứa đôi trong giai đoạn còn nhiều khó khăn, người ta nói *Đẹp trai không bằng chai mật, Một trăm lời nói không bằng làn khói Hon-đa, Nhất muối tiêu nhì Việt kiều*,...đề cập đến tình cảnh công chức thời bao cấp, tuy còn nhiều vất vả nhưng hạnh phúc và sẵn sàng vượt qua khó khăn đời thường: *Cắt cơm bom xe nghe thời tiết liếc đồng hồ thở bao gạo, cạo bộ râu râu quai dép tránh mặt sếp tốt lên yên giường như điên về với vợ*; còn vợ thì *Mau tắm rửa, sửa lông mày, thay quần áo báo thêm cơm chêm chân giường khép cửa lại một mà vui*. Tuy nhiên, khi đời

sống của con người đã tương đối no đủ thì lại nảy sinh những suy nghĩ bon chen: *Một trăm của ngon không bằng một gam của lạ, Tiền lương đưa đủ tối ngủ ở nhà, Chán cơm thèm phở, Hôi cơm đắng canh,....*

Có một lĩnh vực khá nhạy cảm và có liên quan đến nhiều giai tầng trong xã hội, đó là lĩnh vực giáo dục. Trong lĩnh vực này, có khá nhiều CTCĐM ra đời. Trong thời bao cấp, quan điểm chọn ngành học mang tính thực tế cao và đã được đúc kết bằng câu: *Nhất Y nhì Dược tam được Bách Khoa Sư phạm bỏ qua Nông lâm cuộc thắng hay Chuột chạy cùng sào mới vào Sư phạm...* trong khi đó quan điểm chọn chuyên ngành trong ngành Y hiện nay lại khá rạch ròi: *Dốt nát đi Nhi ngu si đi Sản lảng cháng đi Đa khoa ba hoa làm cán bộ giảng dạy* ⁽¹³⁾; nhận định về chất lượng đào tạo của hệ chuyên tu, tại chức, dân gian đã có câu *Dốt như chuyên tu ngu như tại chức* hoặc *Học thầy thi bạn điểm tính bằng chai* ⁽¹⁴⁾; đề cập đến tình hình giảng viên giảng dạy đại học chỉ mới có bằng cử nhân, người ta cho rằng đó là tình trạng *Lấy cơm chấm cơm*, v.v. Trong giáo dục, cũng có cách nhìn tiêu cực của người học: *Học cho lăm cũng mắch với cà, Thủ khoa thua xa hoa hậu, Thông minh nhưng chậm hiểu, Học tài thi lí lịch, Ăn tranh thủ ngủ khẩn trương học bình thường yêu đương là chính,...*

Cuộc sống có nhiều thay đổi, càng thay đổi lại càng đa dạng trong cách nhìn của con người về những vấn đề của cuộc sống. Những CTCĐM ra đời cũng đã phản ánh được phần nào góc ngách của cuộc đời cũng như quan điểm của con người trong ứng xử xã hội. Giả dụ như khi nói “*Cái nào ăn thì ăn cái nào cúng thì cúng*” chính là muốn khuyên con người sống trong xã hội phải có trật tự trên dưới, cái gì không thuộc về mình thì đừng chạm đến; khi nói “*Vừa đã*

bóng vừa thối còi” là có hàm ý phê phán sự bất nhất trong cách điều hành; hoặc khi dùng “*Gà lại cãi nước sôi*” để nói, người nói muốn nhấn mạnh đến việc đã an bài, có chống chế cũng không thay đổi được hoàn cảnh,...

*

* *

Trên chỉ là những phác họa sơ bộ về những CTCĐM ra đời trong khoảng vài mươi năm trở lại đây. Hoạt động giao tiếp ngôn ngữ trong xã hội là một bức tranh nhiều màu sắc và sinh động; trong đó, những CTCĐM đã trở thành một yếu tố không thể không nhắc đến vì nó có thực và điểm xuyết ít nhiều vào bức tranh giao tiếp xã hội. Việc tập hợp, mô tả chúng có thể đóng góp ít nhiều vào việc nghiên cứu ngôn ngữ toàn dân trong xã hội hiện đại.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đức Dân, *Vận dụng thành ngữ, tục ngữ và danh ngôn trên báo chí*, tạp chí Ngôn ngữ số 10, Viện Ngôn ngữ học, 2004, tr.1-8.
2. Vũ Dung- Vũ Thúy Anh- Vũ Quang Hào, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, 2000, 784 tr.
3. Janet Holmes, *An Introduction to Sociolinguistics*, Longman Publishing, New York, 1992, 412 p.
4. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, 237 tr.
5. Ngô Hữu Hoàng, *Vài suy nghĩ về cụm từ cố định nói chung và quán ngữ nói riêng*, tạp chí Ngôn ngữ số 7, Viện Ngôn ngữ học, 2002, tr.25-27.
6. Nguyễn Lân, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb KHXH. 1997, 353 tr.
7. Hồ Lê – Lê Trung Hoa, *Sử dụng từ ngữ trong tiếng Việt (thủ chơi chữ)*, Nxb Khoa học xã hội, 2002, 278 tr.
8. Trần Văn Tiêng, *Con đường hình thành các cụm từ cố định trong tiếng Sài Gòn*, trong “Một số vấn đề về phương ngữ xã hội”, Nxb Khoa học xã hội, 2005, 373 tr, tr.229-272.
9. Trần Văn Tiêng, *Hiện tượng đối lập về mặt ngữ nghĩa trong tục ngữ Việt và Hán*, trong “Giá trị sáng tạo chữ viết Hangul và vai trò của nó trong phát triển văn hóa, giáo dục Hàn Quốc”, Kì yếu hội thảo khoa học, ĐHKHXH & NV Hà Nội, 2006, tr.119-128.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 12-11-2008)

⁽¹³⁾ Tuổi Trẻ Xuân Mậu Tý 2008, tr.50.

⁽¹⁴⁾ Báo TT 14.5.2002